

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN DUUYÊN HẢI
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:09/2019/HS-ST
Ngày 03/7/2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DUUYÊN HẢI, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thùy Linh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Tuyết
2. Ông Đào Văn Năng

- Thư ký phiên tòa: Ông Kim Chanh Ni – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Ông Lý Phước Bền - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 7 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 07/2019/TLST-HS ngày 09 tháng 5 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2019/QĐXXST-HS ngày 18 tháng 6 năm 2019 đối với bị cáo:

Họ và tên: Lâm Vĩnh C, sinh năm 1996 tại tỉnh TV; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú ấp BM, xã ĐC, huyện D, tỉnh TV; nơi cư trú ấp BM, xã ĐC, huyện D, tỉnh TV; nghề nghiệp làm thuê; trình độ văn hóa 06/12; dân tộc Khmer; tôn giáo: không; quốc tịch Việt Nam; con ông Lâm Quang V, sinh năm 1970 và bà Sơn Thị HR, sinh năm 1966; tiền sự không; tiền án không; bị cáo bị tạm giam ngày 05 tháng 10 năm 2018 cho đến nay; bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho bị cáo: Ông Trần Minh N, là trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh TV - chi nhánh trợ giúp pháp lý số 1, thị trấn Trà Cú, huyện Trà Cú, tỉnh TV (có mặt).

Bị hại: Tăng Thị Kim N, sinh ngày 10-3-2003 (có mặt)
Địa chỉ: ấp TRB, xã ĐC, huyện D, tỉnh TV.

Người đại diện hợp pháp cho bị hại: Bà Kim Thị Nh, sinh năm 1970 (có mặt)
Địa chỉ: ấp TRB, xã ĐC, huyện D, tỉnh TV.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại: Bà Trần Thị H, là trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh TV- chi nhánh trợ giúp pháp lý số 1, thị trấn Trà Cú, huyện Trà Cú, tỉnh TV (có mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

- Ông Lâm Quang V, sinh năm 1970 (có mặt)
Địa chỉ: ấp BM, xã ĐC, huyện D, tỉnh TV.

Người phiên dịch tiếng Khmer: Bà Sơn Thị Hoa
Địa chỉ: khóm 2, phường 1, thị xã D, tỉnh TV.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào tháng 01/2018 bị cáo trên đường chạy xe gắn máy về nhà, đến đoạn đường ấp Tà Rom A, xã ĐC, huyện D thì gặp hai người nữ tên Tăng Thị Kim N, sinh ngày 10/3/2003 và S đi bằng xe đạp nên bị cáo chạy gần lại làm quen và rủ ngày mai qua nhà bị cáo chở đi chùa Mêrong Thmây ở xã Thanh Hòa Sơn, huyện Cầu Ngang. Qua ngày hôm sau khoảng 12 giờ bị cáo ra lộ đón N và Sang, khi N và S đến thì bị cáo kêu đem hai chiếc xe đạp gởi nhà bị cáo, rồi bị cáo lấy xe gắn máy chở N và S lên chùa ở Thanh Hòa Sơn chơi, đến khoảng 17 giờ cùng ngày thì bị cáo chở N và S về, khi đi chơi bị cáo nảy sinh tình cảm với N nên hẹn N ở nhà khoảng 20 giờ bị cáo chạy xe qua chở đi chơi thì N đồng ý, đến 20 giờ bị cáo chạy đến nhà chở N đi chùa Mêrong Thmây chơi tiếp, ở chùa chơi đến khoảng 22 giờ 30 phút bị cáo chở N vào nhà trọ Luyến Lưu thuộc ấp Cây Da, xã Đôn Xuân, huyện D, thuê phòng nghỉ số 2. Khi vào phòng bị cáo và N nói chuyện với nhau được một lúc thì bị cáo chủ động ôm hôn N, thấy N không có phản ứng gì nên bị cáo tiếp tục ôm rồi sờ ngực, âm đạo của N, lúc này N cũng ôm và hôn lại bị cáo. Cả hai ôm hôn nhau khoảng 10 phút thì bị cáo tự cởi quần áo của mình ra và cởi quần ngoài và quần lót của N ra, còn áo N tự cởi ra, cả hai ôm hôn nhau tiếp khoảng 5 phút thì bị cáo để N nằm ngửa, còn bị cáo quỳ vào giữa hai chân của N để thực hiện hành vi giao cấu được khoảng 03 phút thì xuất tinh vào bên trong âm đạo của N. Giao cấu xong, bị cáo và N ngủ đến khoảng 06 giờ sáng hôm sau bị cáo chở N về nhà. Qua quá trình điều tra bị cáo khai nhận bị cáo còn quan hệ tình dục với N thêm 04 lần nữa, cụ thể như sau:

Lần 2: Bị cáo không nhớ ngày nhưng trong tháng 01/2018 cách lần quan hệ thứ nhất khoảng 4 ngày, bị cáo hẹn N đi chơi và sau đó chở N vào nhà nghỉ Hồng Nhung thuộc ấp Bà Giam A, xã Đôn Xuân, huyện D. Khi vào nhà nghỉ bị cáo và Tăng Thị Kim N thực hiện hành vi giao cấu (giống như lần thứ nhất) được khoảng 03 phút thì xuất tinh vào bên trong âm đạo của N. Giao cấu xong, đến khoảng 15 giờ cùng ngày bị cáo chở N về nhà;

Lần 3: Bị cáo không nhớ ngày, nhưng cách lần 2 khoảng 03 ngày bị cáo hẹn Tăng Thị Kim N khoảng 13 giờ đến quán nước của ông Tăng Cao Đ, thuộc ấp Bà Nhì, xã Đôn Xuân, huyện D uống nước. Khi đến quán cả hai vào một căn chòi sau cùng của quán, bị cáo ngồi trên ghế còn N ngồi trên võng nói chuyện. Bị cáo nảy sinh ý định giao cấu nên qua ngồi chung võng với N, ôm hôn N rồi bị cáo dùng tay cởi quần ngoài và quần trong của bị cáo và N ra, N nằm ngửa trên võng bị cáo nằm lên trên thực hiện hành vi giao cấu được khoảng 03 phút thì xuất tinh vào bên trong âm đạo của N. Giao cấu xong đến khoảng 14 giờ cùng ngày cả hai tự điều khiển xe về nhà;

Lần 4: Bị cáo không nhớ ngày, cách lần 3 khoảng 01 tuần, lúc 20 giờ bị cáo điều khiển xe chở N đi chơi, sau đó chở vào nhà nghỉ Luyến Lưu của lần giao cầu thứ nhất. Khi vào nhà nghỉ thuê phòng xong bị cáo và N thực hiện giao cầu như lần thứ nhất, Tăng Thị Kim N nằm ngửa trên giường, bị cáo nằm lên trên thực hiện hành vi giao cầu được khoảng 03 phút thì xuất tinh vào bên trong âm đạo của N. Giao cầu xong, đến khoảng 21 giờ cùng ngày bị cáo chở N về nhà;

Lần 5: Bị cáo cũng không nhớ ngày nhưng cách lần 4 khoảng 02 tuần, khoảng 20 giờ bị cáo điều khiển xe chở N đi chơi đến lùm cây gần đường đal thuộc ấp TRB, xã ĐC, huyện D, bị cáo dừng xe đậu cặp đường đal, cả hai cùng đi vào lùm cây đứng ôm hôn nhau, bị cáo cởi quần ngoài và quần trong của bị cáo và N ra, rồi để N nằm ngửa dưới đất, bị cáo nằm lên trên thực hiện hành vi giao cầu được khoảng 03 phút thì xuất tinh vào bên trong âm đạo của N. Giao cầu xong, đến khoảng 21 giờ cùng ngày bị cáo chở N về nhà.

Khi thấy con mình có dấu hiệu bất thường nên mẹ ruột của Tăng Thị Kim N là bà Kim Thị Nh tìm hiểu và đến Công an huyện D trình báo.

Tại bản kết luận pháp y số 21/TD ngày 27/8/2018 của Trung Tâm pháp y tỉnh TV kết luận về bộ phận sinh dục của Tăng Thị Kim N như sau: Màng trinh dẫn khoảng 3cm; Màng trinh rách cũ ở 1 vị trí 9 giờ (rách chưa đến chân màng trinh); Bộ phận sinh dục không thấy tổn thương tại thời điểm giám định.

Trong thời gian điều tra, Tăng Thị Kim N trình bày có mang thai do các lần giao cầu với bị cáo C. Đến ngày 07/11/2018 Tăng Thị Kim N đã sinh con tại Bệnh viện sản nhi TV. Ngày 14/11/2018 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện D tiến hành giám định AND tại Phân viện khoa học hình sự thuộc Bộ công an tại Thành phố Hồ Chí Minh. Tại bản kết luận giám định AND số 88/C09B ngày 14/01/2019 kết luận: Tăng Thị Kim N là mẹ ruột của Tăng Chí H với xác suất là 99,99% còn bị cáo Lâm Vĩnh C không phải là cha ruột của Tăng Chí H.

Đến ngày 05/3/2019 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện D tiếp tục tiến hành trưng cầu giám định AND tại Viện pháp y quốc gia thuộc Bộ y tế tại Thành phố Hồ Chí Minh. Tại bản kết luận giám định AND số 73/19/TC-AND ngày 12/3/2019 kết luận: Tăng Thị Kim N có quan hệ huyết thống mẹ - con với Tăng Chí Hải, độ tin cậy 99,99% còn bị cáo Lâm Vĩnh C không có quan hệ huyết thống bố - con với Tăng Chí H.

Từ các kết luận giám định cho thấy ngoài việc giao cầu với Lâm Vĩnh C thì Tăng Thị Kim N còn giao cầu với người khác dẫn đến có thai và sinh con Tăng Chí H, nhưng cơ quan Cảnh sát điều tra công an huyện D đã nhiều lần làm việc với bị hại Tăng Thị Kim N nhưng bị hại vẫn khẳng định Tăng Chí H là con ruột của Lâm Vĩnh C. Tại bản kết luận giám định AND số 88/C09B ngày 14/01/2019 của Phân viện Khoa học hình sự thuộc Bộ công an tại Thành Phố Hồ Chí Minh và thời gian điều tra vụ án đã kéo dài nên cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện D đã kết luận điều tra đề nghị truy tố bị cáo Lâm Vĩnh C. Khi nào có chứng cứ, chứng minh ai đã giao cầu với N dẫn tới N có thai sinh được cháu Tăng Chí H sẽ được xử lý theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận như đã khai tại Cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện D, bị cáo thừa nhận đã thực hiện hành vi giao cấu với Tăng Thị Kim N khi bị hại là người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi như Cáo trạng Viện kiểm sát nhân dân huyện D truy tố là hoàn toàn đúng.

Bị hại yêu cầu xét xử theo quy định của pháp luật về hình phạt cho bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự : Người đại diện hợp pháp của bị hại yêu cầu bồi thường tổn thất tinh thần 100.000.000 (một trăm triệu) đồng.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Lâm Quang V trình bày: Con ông là Lâm Vĩnh C có tác động gia đình khắc phục cho bị hại 1.000.000 đồng nhưng gia đình bị hại không nhận.

Tại bản cáo trạng số 09/CT-VKSDH ngày 07/5/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện D, tỉnh TV đã truy tố Lâm Vĩnh C về tội “Giao cấu với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi” theo điểm a khoản 2 Điều 145 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện D phân tích tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo đã kết luận giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng như nội dung cáo trạng. Đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 145; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017: Xử phạt bị cáo Lâm Vĩnh C từ 03 (ba) năm đến 04 (một) năm tù; Về trách nhiệm dân sự buộc bị cáo bồi thường tổn thất tinh thần cho bị hại với số tiền là 14.900.000 đồng, ngoài ra còn đề nghị miễn nộp tiền án phí hình sự, dân sự sơ thẩm cho bị cáo do thuộc trường hợp người dân tộc thiểu số sống ở vùng có điều kiện kinh tế đặc biệt khó khăn.

Người bào chữa cho bị cáo là ông Trần Văn Nhựt trình bày: Thống nhất với quan điểm của Viện kiểm sát về hành vi phạm tội của bị cáo Lâm Vĩnh C phạm tội “Giao cấu với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi” như bản cáo trạng và lời luận tội của Kiểm sát viên giữ quyền công tố tại phiên tòa. Tuy nhiên, bị cáo có nhân thân tốt, xuất thân từ người lao động nghèo, người dân tộc sống ở vùng có điều kiện kinh tế đặc biệt khó khăn, bị cáo thật thà khai báo, ăn năn hối cải, gia đình có công cách mạng, bị cáo tác động gia đình khắc phục hậu quả cho bị hại 1.000.000 đồng nhưng gia đình bị hại không nhận được quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng hình phạt thấp nhất cho bị cáo. Về trách nhiệm dân sự căn cứ các Điều 584, 585, 592 Bộ luật dân sự Hội đồng xét xử xem xét bác một phần yêu cầu của bị hại.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại bà Trần Thị Hợp trình bày: Thống nhất hành vi phạm tội của bị cáo Lâm Vĩnh C phạm tội “Giao cấu với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi” như cáo trạng và lời luận tội Kiểm sát viên giữ quyền công tố tại phiên tòa. Do tính chất vụ án nghiêm trọng, ảnh hưởng đến thuần phong mỹ tục, xâm phạm đến sức khỏe và tâm sinh lý của bị hại, bị cáo là người trưởng thành, lợi dụng sự non trẻ của bị hại. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 145 Bộ luật hình sự 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo Lâm Vĩnh C một mức án thật nghiêm để giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung cho xã hội. Về trách

nhiệm dân sự áp dụng các Điều 584, 585, 586, 592 Bộ luật dân sự xem xét buộc bị cáo bồi thường tổn thất tinh thần cho bị hại.

Bị cáo Lâm Vĩnh C nói lời sau cùng: Bị cáo biết lỗi, xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt để bị cáo sớm trở về cùng gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Xét tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện D, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện D, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người bị hại, không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Xét hành vi phạm tội của bị cáo: Bị cáo Lâm Vĩnh C là người đã thành niên có đầy đủ khả năng nhận thức, mặc dù biết độ tuổi bị hại Tăng Thị Kim N nhưng vẫn nhiều lần thực hiện hành vi giao cấu tuy không có sự kháng cự của bị hại. Hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội “Giao cấu với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi”. Tội danh và hình phạt được quy định tại điểm a khoản 2 Điều 145 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[3] Xét tính chất vụ án là nghiêm trọng và hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trực tiếp đến sức khỏe, nhân phẩm của người bị hại, gây ảnh hưởng đến tâm sinh lý của người bị hại. Vì vậy phải xử lý bị cáo bằng pháp luật hình sự. Tuy nhiên, trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo nhận thức pháp luật còn hạn chế; gia đình có công cách mạng; bị cáo tác động gia đình khắc phục hậu quả cho bị hại; người bị hại có sự đồng ý. Do đó, cần cho bị cáo hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Người đại diện hợp pháp của bị hại yêu cầu bồi thường tổn thất tinh thần với số tiền 100.000.000 đồng là chưa có cơ sở chấp nhận, bởi vì việc giao cấu giữa bị cáo và bị hại là có sự đồng ý của bị hại và theo quy định thì mức bồi thường tổn thất tinh thần thì không quá 10 lần mức lương cơ sở nên Hội đồng xét xử chỉ chấp nhận mức bồi thường tổn thất tinh thần là 10 lần mức lương cơ sở với số tiền là 14.900.000 đồng.

[5] Xét bản cáo trạng của Viện kiểm sát, quan điểm luận tội của Kiểm sát viên đề nghị đối với vụ án là có căn cứ, phù hợp pháp luật nên được chấp nhận.

[6] Xét quan điểm đề nghị của người bào chữa cho bị cáo: Thống nhất với quan điểm luận tội của Kiểm sát viên nhưng đề nghị áp dụng tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo

được quy định tại điểm b khoản 1 điều 51 Bộ luật hình sự là chưa có căn cứ chấp nhận, bởi vì bị cáo là người trưởng thành đã tác động gia đình khắc phục hậu quả cho bị hại, tình tiết này được áp dụng cho bị cáo hưởng tại khoản 2 điều 51 Bộ luật hình sự là đúng quy định pháp luật.

[7] Xét quan điểm đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại: Thống nhất với quan điểm luận tội của Kiểm sát viên là có căn cứ nên được chấp nhận.

[8] Về án phí: Bị cáo Lâm Vĩnh C có đơn xin miễn nộp án phí lý do thuộc trường hợp người dân tộc thiểu số sống ở vùng có điều kiện kinh tế đặc biệt khó khăn, Hội đồng xét xử xét thấy theo quy định tại Điều 12, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, thì bị cáo thuộc trường hợp được miễn nộp tiền án phí hình sự, dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Lâm Vĩnh C phạm tội “Giao cấu với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi”.

Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 145; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Lâm Vĩnh C 03 (ba) năm tù, tính từ ngày tạm giam 05/10/2018.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng các Điều 584, 585, 586, 592 Bộ luật dân sự năm 2015. Buộc bị cáo Lâm Vĩnh C bồi thường 14.900.000 (mười bốn triệu chín trăm nghìn) đồng tiền tổn thất tinh thần cho bị hại Tăng Thị Kim N.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bên được thi hành án, cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu cho bên được thi hành án khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Về án phí: Áp dụng Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Miễn nộp tiền án phí hình sự, dân sự sơ thẩm cho bị cáo Lâm Vĩnh C.

Về quyền kháng cáo: bị cáo, người đại diện hợp pháp cho bị hại, bị hại, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, để xin Tòa án cấp trên xét xử theo trình tự phúc thẩm.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án

hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND tỉnh Trà Vinh;
- STP tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Duyên Hải;
- CA huyện Duyên Hải;
- CCTHADS huyện Duyên Hải;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Lê Thị Thùy Linh